

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm giống, nguyên liệu và một số sản phẩm từ Tràm gió (*Melaleuca cajuputi*) và Tràm trà (*M. alternifolia*) tại Long An và các tỉnh lân cận

Mã số đề tài, dự án: DADL.CN-03/22

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình): Độc Lập
- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Khảo sát thu thập, lưu giữ, đánh giá sơ bộ và đánh giá chi tiết nguồn gene cây Tràm gió (*Melaleuca cajuputi*) và Tràm trà (*M. alternifolia*) được phân bố ở khu vực Đồng Tháp Mười và các vùng lân cận. Nghiên cứu định hướng phát triển và khai thác nguồn gene cây Tràm cho nhu cầu sản xuất và khai thác tinh dầu Tràm phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Chọn ít nhất 02 giống Tràm gió, Tràm trà có năng suất, hàm lượng và chất lượng tinh dầu cao;
- Hoàn thiện được quy trình và sản xuất thử nghiệm giống và nguyên liệu Tràm gió, Tràm trà từ giống đã chọn;
- Hoàn thiện được quy trình công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất tinh dầu và một số sản phẩm từ Tràm gió, Tràm trà.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: DS. Bùi Đắc Thắng

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười

5. Tổng kinh phí thực hiện: **24.000 triệu đồng.**

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6.780 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 17.220 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: **36 tháng**

Bắt đầu: tháng 12 năm 2022;

Kết thúc: tháng 12 năm 2025;

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): gia hạn 06 tháng đến tháng 06 năm 2026, theo quyết định số: 3782/QĐ-BKHCN ngày 18/11/2025

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1.	Bùi Đắc Thắng	Dược sĩ	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
2.	Lê Thanh Sơn	Thạc sĩ	Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo máy Long An
3.	Thái Thanh Thảo	Dược sĩ	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
4.	Nguyễn Thị Minh Thư	Dược sĩ	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
5.	Ngô Minh Mẫn	Thạc sĩ	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
6.	Nguyễn Thị Mộng Xuân	Dược sĩ	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
7.	Dương Văn Toàn	Cử nhân	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn Và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười
8.	Vũ Thanh Thảo	Tiến sĩ	Khoa Dược - Trường Đại học Y Dược TP.HCM
9.	Lê Văn Thanh	Tiến sĩ	Bệnh viện Chợ Rẫy TP.HCM
10.	La Thanh Hải	Kỹ sư	Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo máy Long An
11.	Phạm Đức Toàn	Tiến sĩ	Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
12.	Nguyễn Văn Hoàng	Tiến sĩ, Bác sĩ	Bệnh viện Đa khoa Long An
13.	Đặng Tấn Hải	Thạc sĩ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bình Thạnh
14.	Văn Bùi Hồng Trinh	Cử nhân	Công ty TNHH Dược Phẩm Dược liệu Mộc Hoa Tràm
15.	Bùi Đắc Anh Tú	Kỹ sư	Công ty TNHH Dược Phẩm Dược liệu Mộc Hoa Tràm
16.	Lê Trung Hậu	Dược sĩ	Công ty TNHH Dược Phẩm Dược liệu Mộc Hoa Tràm
17.	Vũ Viết Toàn	Thạc sĩ	Công ty TNHH MTV Đóng xà lan Nguyên Hồng
18.	Nguyễn Công Nguyên	Thạc sĩ	Công ty TNHH MTV Đóng xà lan Nguyên Hồng
19.	Trịnh Vương Quang Huy	Kỹ sư	Công ty TNHH MTV Đóng xà lan Nguyên Hồng

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I.	Sản phẩm dạng I									

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1.	<i>Giống</i>									
1.1.	Giống Tràm gió		X			X			X	
1.2.	Giống Tràm trà		X			X			X	
2.	<i>Sản phẩm sản xuất thử nghiệm</i>									
2.1.	Tinh dầu Tràm gió		X			X			X	
2.2.	Tinh dầu Tràm trà		X			X			X	
2.3.	Nước xịt phòng		X			X			X	
2.4.	Nước rửa tay		X			X			X	
3.	<i>Mô hình sản xuất cây giống Tràm gió và Tràm trà</i>									
3.1.	Vườn giống gốc Tràm gió và Tràm trà (Dùng chung cho cây Tràm gió và Tràm trà)		X			X			X	
3.2.	Vườn ươm cây giống Tràm gió và Tràm trà (Dùng chung cho cây Tràm gió và Tràm trà)		X			X			X	
4.	<i>Mô hình sản xuất nguyên liệu</i>									
4.1.	Mô hình sản xuất nguyên liệu Tràm gió		X			X			X	
4.2.	Mô hình sản xuất nguyên liệu Tràm trà		X			X			X	
5.	<i>Dây chuyền công nghệ</i>									
5.1	Dây chuyền thiết bị sản xuất tinh dầu Tràm gió và Tràm trà (Dùng chung cho hai loại nguyên liệu)		X			X			X	
5.2	Dây chuyền sản xuất nước xịt phòng và nước rửa tay. (Dùng chung cho		X			X			X	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	sản xuất nước xịt phòng và nước rửa tay)									
II.	Sản phẩm dạng II									
1	Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch Tràm gió và Tràm trà									
1.1	Quy trình sản xuất giống Tràm gió từ hạt.		X			X			X	
1.2	Quy trình sản xuất giống Tràm trà từ giống từ hom.		X			X			X	
2	Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch Tràm gió và Tràm trà									
2.1	Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch Tràm gió		X			X			X	
2.2	Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch Tràm trà		X			X			X	
3	Quy trình chiết xuất									
3.1	Quy trình công nghệ chiết xuất tinh dầu Tràm gió (Kèm theo quy trình công nghệ xử lý bã thải)		X			X			X	
3.2	Quy trình công nghệ chiết xuất tinh dầu Tràm trà (Kèm theo quy trình công nghệ xử lý bã thải)		X			X			X	
4	Quy trình công nghệ sản xuất nước xịt phòng và nước rửa tay									
4.1	Quy trình công nghệ sản xuất nước xịt phòng		X			X			X	
4.2	Quy trình công nghệ sản xuất nước rửa tay		X			X			X	
5	Tiêu chuẩn									
5.1	TCCS cây giống Tràm gió (Cây		X			X			X	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	nhân từ hạt)									
5.2	TCCS cây giống Tràm Trà (Cây nhân từ hom)		X			X			X	
5.3	TCCS nguyên liệu Tràm gió		X			X			X	
5.4	TCCS nguyên liệu Tràm trà		X			X			X	
5.5	TCCS tinh dầu Tràm gió		X			X			X	
5.6	TCCS tinh dầu Tràm trà		X			X			X	
5.7	TCCS Nước xịt phòng		X			X			X	
5.8	TCCS Nước rửa tay		X			X			X	
III. Sản phẩm dạng III										
1	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước phê duyệt: 02 Bài báo trong nước		X			X			X	
2	Kết quả đào tạo: 01 Thạc sĩ		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Tinh dầu Tràm gió	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
2	Tinh dầu Tràm trà	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
3	Tinh dầu xịt phòng thiên nhiên MELAROMA PLUS	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
4	Dung dịch rửa tay khô MELASUN.M	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Tinh dầu Tràm gió	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
2	Tinh dầu Tràm trà	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
3	Tinh dầu xịt phòng thiên nhiên MELAROMA PLUS	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
4	Dung dịch rửa tay khô MELASUN.M	2024-2025	Công ty TNHH Mộc Hoa Tràm	Đạt theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đề tài, dự án đã mang lại hiệu quả rõ nét về khoa học và công nghệ thông qua việc hình thành và từng bước hoàn thiện một chuỗi công nghệ tương đối đồng bộ, từ khâu bảo tồn, tuyển chọn nguồn vật liệu, nhân giống, tổ chức vùng nguyên liệu, thu hoạch, chế biến đến tạo ra sản phẩm ứng dụng phục vụ đời sống. Giá trị nổi bật của dự án không chỉ nằm ở việc tiếp nhận công nghệ sẵn có mà còn ở khả năng nghiên cứu, điều chỉnh và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, từ đó nâng cao tính chủ động trong tổ chức sản xuất và phát triển sản phẩm.

Thông qua quá trình triển khai, đơn vị thực hiện đã nâng cao năng lực nắm vững và làm chủ công nghệ ở nhiều công đoạn quan trọng, từng bước giảm sự phụ thuộc vào phương thức sản xuất thủ công, đơn chiếc như trước đây. Dự án đồng thời góp phần chuẩn hóa quy trình kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào, bảo đảm tính ổn định của sản phẩm đầu ra và tạo nền tảng cho việc mở rộng quy mô sản xuất trong thời gian tới. Đây là kết quả có ý nghĩa lớn, bởi việc làm chủ công nghệ không chỉ phục vụ riêng cho đề tài mà còn mở ra khả năng chuyển giao, nhân rộng mô hình cho các đơn vị, địa phương có điều kiện tương đồng.

Dự án cho thấy sự tiến bộ rõ rệt so với cách làm truyền thống trong nước, đặc biệt ở tính đồng bộ, khả năng ứng dụng thực tiễn và định hướng phát triển theo chuỗi giá trị. So với khu vực và thế giới, công nghệ của dự án tuy chưa hướng đến các công nghệ chuyên sâu ở trình độ rất cao, nhưng đã tiếp cận theo hướng hiện đại, phù hợp, khả thi và có tính ứng dụng tốt trong điều kiện Việt Nam. Có thể khẳng định rằng hiệu quả lớn nhất về khoa học và công nghệ của dự án là đã tạo ra được nền tảng công nghệ nội sinh, có khả năng phát triển bền vững, góp phần nâng cao giá trị tài nguyên bản địa và tăng năng lực đổi mới công nghệ cho địa phương.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Đề tài được triển khai theo định hướng hình thành chuỗi giá trị khép kín từ giống, vùng nguyên liệu, chiết xuất tinh dầu, sản xuất sản phẩm, kiểm nghiệm chất lượng đến thương mại hóa. Tổng mức đầu tư ban đầu của đề tài là 24.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 6.780 triệu đồng, chiếm 28,25%; vốn đối ứng của doanh nghiệp là 17.220 triệu đồng, chiếm 71,75%.

Đề tài đã xây dựng được liên kết giữa doanh nghiệp chủ trì, đơn vị sản xuất – thương mại, đơn vị cơ khí chế tạo, đơn vị nghiên cứu và đơn vị kiểm nghiệm độc lập. Mô hình này giúp phân công chuyên môn hóa trong từng khâu, từ tuyển chọn giống, phát triển vùng nguyên liệu, chế tạo thiết bị, chiết xuất tinh dầu, sản xuất sản phẩm đến kiểm định và phân

phối. Nhờ đó, đề tài không chỉ dừng ở nghiên cứu mà đã tạo nền tảng cho sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm.

Hiệu quả kinh tế của đề tài được tạo ra từ sự cải thiện đồng bộ các chỉ tiêu kỹ thuật. Năng suất lá tươi tăng từ 15,0 lên 20,0 tấn/ha/năm, tương ứng mức tăng 33,3%. Hiệu suất chiết tinh dầu Tràm trà tăng từ 1,2% lên 1,8%, tăng 50%; hàm lượng terpinen-4-ol tăng từ 25% lên 30%. Đối với Tràm gió, hiệu suất chiết tăng từ 0,35% lên 0,40%, hàm lượng 1,8-cineol tăng từ 30% lên 35%. Tỷ lệ cây giống xuất vườn tăng từ 65% lên 85%. Những kết quả này góp phần tăng sản lượng, nâng cao chất lượng tinh dầu và giảm rủi ro trong sản xuất.

Đề tài đã hình thành các nhóm sản phẩm chính gồm tinh dầu Tràm gió, tinh dầu Tràm trà, nước xịt phòng, nước rửa tay và cây giống. Tổng doanh thu dự kiến đạt 9.422,20 triệu đồng; lợi nhuận ròng đạt 3.397,84 triệu đồng; dòng tiền thuần hằng năm đạt khoảng 3.889,30 triệu đồng. Với tổng vốn đầu tư tính toán là 21.199 triệu đồng, thời gian hoàn vốn không chiết khấu ước khoảng 5,45 năm.

3.2. Hiệu quả xã hội

Về hiệu quả kinh tế - xã hội, dự án được đánh giá có khả năng tạo ra lợi ích rõ rệt cả về giá trị thương mại, khả năng cạnh tranh thị trường và tác động lan tỏa đối với địa phương. Theo phương án tài chính của dự án, khi đi vào vận hành ổn định và đạt 100% công suất, tổng doanh thu dự kiến đạt khoảng 7,537 tỷ đồng/năm, lãi gộp khoảng 3,769 tỷ đồng/năm và lãi ròng khoảng 1,860 tỷ đồng/năm; thời gian thu hồi vốn ước khoảng 5,7 năm. Đây là mức làm lợi đáng kể, cho thấy dự án không chỉ có ý nghĩa về nghiên cứu mà còn có khả năng chuyển hóa trực tiếp thành hiệu quả kinh tế thực tế.

So với các sản phẩm cùng loại trên thị trường, sản phẩm của dự án có lợi thế cạnh tranh nhờ được hình thành từ nguồn nguyên liệu tự nhiên 100% trong nước, được trồng, khai thác và chiết xuất tại chỗ, qua đó giúp giảm chi phí nguyên liệu, chi phí vận chuyển và các chi phí trung gian khác. Sau giai đoạn hoàn thiện công nghệ và ổn định sản xuất, giá bán dự kiến của các sản phẩm đều được điều chỉnh giảm so với giai đoạn sản xuất thử nghiệm, qua đó tăng sức cạnh tranh với các sản phẩm tương tự trong nước và sản phẩm nhập ngoại, đồng thời tạo điều kiện để người tiêu dùng được hưởng lợi từ phần chi phí tiết giảm.

Bên cạnh hiệu quả bằng tiền, dự án còn có ý nghĩa xã hội rõ nét khi góp phần tạo việc làm, phát triển sinh kế cho khu vực xã Mộc Hóa và vùng Đồng Tháp Mười, nơi còn nhiều khó khăn; đồng thời thúc đẩy khai thác hợp lý tài nguyên bản địa, nâng cao giá trị cây Tràm và hình thành mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn ☒
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng ☐
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng ☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc ☐
- Đạt ☒
- Không đạt ☐

Giải thích lý do:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



DS. Bùi Đắc Thắng

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



Dương Văn Toàn

